



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

MỤC LỤC

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG QUÁT

3. BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN

4. BÁO CÁO CHI TIẾT PHÂN BỐ

5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7. PHỤ LỤC VÀ CÁC TÀI LIỆU CHÁM SÓC

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALÝ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG	10 - 27

25
T
H
O
C
INB
03
NO
PH
M
NO
A
4HS

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Len	Chủ tịch
Ông Bùi Xuân Hải	Thành viên
Bà Võ Thị Hà Giang	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Đoàn Trang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	Thành viên
Bà Mai Ngọc Liên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Xuân Hải - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính văn phòng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính văn phòng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính văn phòng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính văn phòng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly,



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 03 năm 2026



Số: 032402/2026/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính văn phòng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng từ các năm trước. Nếu Công ty hạch toán các khoản đã chi này vào kết quả kinh doanh của các năm trước thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận các khoản công nợ phải thu khách hàng của Công ty với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 26.574.342.533 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 21.384.619.226 đồng), trả trước cho người bán với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 298.692.145 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 298.692.145 đồng), phải trả cho người bán với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.667.099.590 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.334.216.419 đồng) và phải thu ngắn hạn khác với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.109.341.558 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.109.341.558 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính hiện hữu và đầy đủ các khoản mục công nợ nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho những khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền 19.457.044.344 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 22.618.083.150 đồng). Nếu Công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi vào các năm trước thì trên báo cáo tài chính vẫn phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi 19.457.044.344 đồng và chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 33.702.267.023 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 40.373.197.726 đồng). Trên Báo cáo tài chính văn phòng của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là 62.326.425.421 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 67.214.905.764 đồng), vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đang âm 3.011.980.378 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 âm 7.900.460.721 đồng). Thù lao HĐQT các năm trước Công ty chưa thực hiện chi trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.053.250.000 đồng và ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.098.250.000 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 27.044.373.571 đồng là nợ xấu. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tăng cường công tác thu hồi công nợ trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của các đối tác cho vay để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2023-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Đặng Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5169-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.158.998.003	35.524.258.052
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.622.535.845	4.032.246.148
1. Tiền	111	V.1	2.622.535.845	4.032.246.148
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.6	54.000.000	510.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		75.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(21.000.000)	(490.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.354.087.619	30.976.136.904
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	27.062.587.214	42.451.923.499
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		298.692.145	298.692.145
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.421.666.679	2.421.666.679
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	2.158.470.808	2.192.140.808
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7.587.329.227)	(16.388.286.227)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	-	-
1. Hàng tồn kho	141		15.565.117	15.565.117
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.565.117)	(15.565.117)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		128.374.539	5.875.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	17.006.725	5.875.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		111.367.814	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.727.688.918	32.510.139.278
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		195.325.427	195.325.427
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	195.325.427	195.325.427
II. Tài sản cố định	220		17.536.612	59.624.428
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	17.536.612	59.624.428
- Nguyên giá	222		1.487.685.543	1.487.685.543
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.470.148.931)	(1.428.061.115)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.449.328	14.449.328
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.449.328	14.449.328
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	30.486.582.911	32.208.806.031
1. Đầu tư vào công ty con	251		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.513.417.089)	(2.791.193.969)
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.794.640	31.934.064
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	13.794.640	31.934.064
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57.886.686.921	68.034.397.330

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		60.898.667.299	75.934.858.051
I. Nợ ngắn hạn	310		60.861.265.026	75.897.455.778
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	22.706.898.302	27.572.048.048
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.250.000	5.250.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	6.688.278	10.969.822
4. Phải trả người lao động	314		37.835.031	44.009.810
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	13.550.624.752	16.296.169.506
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		236.352.394	236.352.394
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.168.413.448	1.168.464.377
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	24.993.511.000	32.408.500.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.844.308.179)	(1.844.308.179)
II. Nợ dài hạn	330		37.402.273	37.402.273
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	37.402.273	37.402.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(3.011.980.378)	(7.900.460.721)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	(3.011.980.378)	(7.900.460.721)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(7.320.000)	(7.320.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.321.765.043	14.321.765.043
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(62.326.425.421)	(67.214.905.764)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(67.214.905.764)	(63.510.798.253)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.888.480.343	(3.704.107.511)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		57.886.686.921	68.034.397.330



Mai Ngọc Liên
Người lập biểu



Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng




Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 03 năm 2026

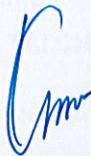
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		28.317.235.143	41.863.178.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	28.317.235.143	41.863.178.874
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	27.924.801.122	41.544.224.911
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		392.434.021	318.953.963
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.808.405	6.681.801
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.159.755.705	3.973.755.186
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.478.523.111	3.239.102.628
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	(7.867.545.667)	651.918.719
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.106.032.388	(4.300.038.141)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.068.937.900	1.493.656.535
12. Chi phí khác	32	VI.7	286.489.945	843.408.707
13. Lợi nhuận khác	40		782.447.955	650.247.828
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.888.480.343	(3.649.790.313)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	54.317.198
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.888.480.343	(3.704.107.511)



Mai Ngọc Liên
 Người lập biểu



Mai Trung Kiên
 Kế toán trưởng




 Bùi Xuân Hải
 Tổng Giám đốc
 Ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.888.480.343	(3.649.790.313)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	42.087.816	70.648.886
Các khoản dự phòng	03	(7.547.733.880)	529.081.752
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.808.405)	285.585.577
Chi phí lãi vay	06	2.478.523.111	3.239.102.628
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(144.451.015)	474.628.530
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	15.311.638.471	6.825.945.482
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	-	390.440.191
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(4.875.656.998)	(2.479.626.286)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	7.007.699	(30.982.707)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	925.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.224.067.865)	(600.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(54.317.198)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.999.470.292	4.526.088.012
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	54.545.455
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.808.405	6.681.801
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.808.405	61.227.256
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.414.989.000)	(5.362.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.414.989.000)	(5.362.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.409.710.303)	(775.184.732)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.032.246.148	4.807.430.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.622.535.845	4.032.246.148



Mai Ngọc Liên
Người lập biểu



Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xi măng Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000019 ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 22 tháng 01 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần là 4.500.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Quyết định số 313/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 05 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly với mã chứng khoán SDY bị hủy niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017.

Theo Quyết định số 395/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 06 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (mã chứng khoán SDY) được giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán UPCOM từ ngày 02 tháng 06 năm 2017.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Gia công xi măng;
- Vận chuyển clinker;

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Hiện nay Công ty có một (01) đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Xi nghiệp khai thác đá và một (01) Công ty con. Thông tin về Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	Xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai	100%	100%	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5 người, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính văn phòng**

Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 33.702.267.023 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 40.373.197.726 đồng). Trên Báo cáo tài chính văn phòng của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là 62.326.425.421 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 67.214.905.764 đồng), vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đang âm 3.011.980.378 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 âm 7.900.460.721 đồng).

Thù lao HĐQT các năm trước Công ty chưa thực hiện chi trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.053.250.000 đồng và ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.098.250.000 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 27.044.373.571 đồng là nợ xấu.

Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

Tổng Giám đốc của Công ty đã xây dựng các kế hoạch để tăng cường khả năng thu hồi công nợ, tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông. Đồng thời, Tổng Giám đốc của Công ty đã làm việc với các nhà cung cấp và các đối tác cho vay để cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn. Với các khoản đi vay, các đối tác cho vay đã tạo điều kiện gia hạn nợ cho Công ty hàng năm.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh đã ký phụ lục hợp đồng số 06 ngày 15 tháng 12 năm 2023 với Công ty cam kết sản lượng gia công xi măng trong 05 năm tới đạt tối thiểu 100.000 tấn. Nếu không đạt, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh sẽ có chính sách bù giá cho Công ty.

Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**2. Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp,
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các Báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính văn phòng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính văn phòng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính văn phòng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc thiết bị	03 - 15

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai, cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thuDoanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALYThôn Nghĩa Hưng 3, xã Biển Hồ,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam**Mẫu số B 09-DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	94.630.748	197.119.454
Tiền gửi ngân hàng	2.527.905.097	3.835.126.694
Cộng	2.622.535.845	4.032.246.148

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	11.835.645.908	14.835.645.908
- Chi nhánh 307	11.775.996.860	14.775.996.860
- Văn phòng Công ty	59.649.048	59.649.048
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.571.916.274	2.571.916.274
- Chi nhánh 603	1.886.039.137	1.886.039.137
- Văn phòng Công ty	685.877.137	685.877.137
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	1.960.047.472	2.773.180.260
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	1.351.146.031	10.152.103.031
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.343.831.529	22.271.181.057
Cộng	27.062.587.214	42.451.923.499

3. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng	49.129.250	82.799.250
Phải thu khác	2.109.341.558	2.109.341.558
Cộng	2.158.470.808	2.192.140.808
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	195.325.427	195.325.427
Cộng	195.325.427	195.325.427

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.565.117	(15.565.117)	15.565.117	(15.565.117)
Cộng	15.565.117	(15.565.117)	15.565.117	(15.565.117)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	1.003.335	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.022.726	-
- Chi phí trả trước khác	10.980.664	5.875.000
Cộng	17.006.725	5.875.000
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	7.272.224
- Các khoản khác	13.794.640	24.661.840
Cộng	13.794.640	31.934.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính vạn phòng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Chứng khoán kinh doanh	75.000.000	54.000.000	(21.000.000)	1.000.000.000
Cổ phiếu SD3 (100.000 cổ phiếu)				510.000.000
Cộng	75.000.000	54.000.000	(21.000.000)	1.000.000.000
				(490.000.000)
				(490.000.000)

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Phải thu khách hàng	24.636.339.868	18.847.833.432	(5.788.506.436)	37.843.148.337
- Chi nhánh Sông Đà 3.07 - Công ty Cổ phần Sông Đà 3	11.775.996.860	11.775.996.860	-	14.775.996.860
- Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.886.039.137	1.886.039.137	-	1.886.039.137
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	1.680.971.155	1.680.971.155	-	1.680.971.155
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3	1.351.146.031	-	(1.351.146.031)	10.152.103.031
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	685.877.137	68.325.023	(617.552.114)	685.877.137
- Các đối tượng khác	7.256.309.548	3.436.501.257	(3.819.808.291)	8.662.161.017
Trả trước cho người bán	298.692.145	198.692.145	(100.000.000)	302.942.145
- Công ty CP TV&HD Khoáng sản Geminco	280.000.000	180.000.000	(100.000.000)	280.000.000
- Các đối tượng khác	18.692.145	18.692.145	-	22.942.145
Phải thu khác	2.109.341.558	410.518.767	(1.698.822.791)	2.109.341.558
- Ông Vũ Văn Bàu	516.993.815	-	(516.993.815)	516.993.815
- Ông Nguyễn Xuân Toàn	109.601.873	-	(109.601.873)	109.601.873
- Các đối tượng khác	1.482.745.870	410.518.767	(1.072.227.103)	1.482.745.870
Cộng	27.044.373.571	19.457.044.344	(7.587.329.227)	40.255.432.040
				23.867.145.813
				(16.388.286.227)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính vắn phòng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	1.066.807.361	420.878.182	1.487.685.543
Tại ngày cuối năm	1.066.807.361	420.878.182	1.487.685.543
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	1.066.807.361	361.253.754	1.428.061.115
Khấu hao trong năm	-	42.087.816	42.087.816
Tại ngày cuối năm	1.066.807.361	403.341.570	1.470.148.931
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	59.624.428	59.624.428
Tại ngày cuối năm	-	17.536.612	17.536.612

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.066.807.361 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.066.807.361 đồng).

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	100%	35.000.000.000	100%	35.000.000.000
Cộng		35.000.000.000		35.000.000.000
		(4.513.417.089)		(2.791.193.969)
		(4.513.417.089)		(2.791.193.969)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính van phòng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	18.039.798.712	18.039.798.712	19.377.658.237	19.377.658.237
Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Dân Sanh	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000
Công ty TNHH Vạn Lộc	499.050.000	499.050.000	499.050.000	499.050.000
Phải trả nhà cung cấp khác	3.268.049.590	3.268.049.590	6.795.339.811	6.795.339.811
Cộng	22.706.898.302	22.706.898.302	27.572.048.048	27.572.048.048

**Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản phải trả quá hạn chưa thanh toán với số tiền 4.206.384.419 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.334.216.419 đồng).

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số đã thực trả, bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực trả, bù trừ trong năm VND	Giá trị VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.351.778.729	2.356.301.609	2.356.301.609	4.522.880	4.522.880
Thuế thu nhập cá nhân	6.688.278	22.250.920	22.009.584	22.009.584	6.446.942	6.446.942
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	148.441.984	148.441.984	148.441.984	-	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	5.600.455	5.600.455	5.600.455	-	-
Cộng	6.688.278	2.532.072.088	2.536.353.632	2.536.353.632	10.969.822	10.969.822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	13.116.481.269	15.862.026.023
Trích trước chi phí mua phụ gia	401.854.636	401.854.636
Các khoản chi phí phải trả khác	32.288.847	32.288.847
Cộng	13.550.624.752	16.296.169.506
Trong đó: Phải trả là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)	13.116.481.269	15.862.026.023

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng Quản trị	1.101.250.000	1.098.250.000
Phải trả khác	67.163.448	70.214.377
Cộng	1.168.413.448	1.168.464.377
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	37.402.273	37.402.273
Cộng	37.402.273	37.402.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.306.267.780	41.686.689.320
Doanh thu khác	10.967.363	176.489.554
Cộng	28.317.235.143	41.863.178.874

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	27.913.781.346	41.298.655.690
Giá vốn hoạt động khác	11.019.776	245.569.221
Cộng	27.924.801.122	41.544.224.911

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	5.808.405	6.681.801
Cộng	5.808.405	6.681.801

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.478.523.111	3.239.102.628
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	427.920.000	-
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	(469.000.000)	30.000.000
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	1.722.223.120	704.652.558
Chi phí tài chính khác	89.474	-
Cộng	4.159.755.705	3.973.755.186

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALÝThôn Nghĩa Hưng 3, xã Biển Hồ,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam**Mẫu số B 09-DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	540.072.108	556.953.919
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	67.206.144	23.914.643
Thuế, phí và lệ phí	153.326.872	56.843.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.050.000	132.421.444
Chi phí bằng tiền khác	58.756.209	87.356.475
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(8.800.957.000)	(205.570.806)
Cộng	(7.867.545.667)	651.918.719

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh bù chi phí cho sản lượng xi măng gia công	1.068.937.900	1.493.656.535
Cộng	1.068.937.900	1.493.656.535

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	-	292.267.378
Các khoản bị phạt, truy thu thuế	32.945	44.802.252
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	70.648.886
Các khoản khác	286.457.000	435.690.191
Cộng	286.489.945	843.408.707

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	4.888.480.343	(3.649.790.313)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(7.741.108.619)	3.649.790.313
Các khoản điều chỉnh tăng	1.059.848.381	3.923.343.957
- Lãi vay loại trừ	486.464.233	3.239.102.628
- Phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	32.945	44.802.252
- Chi phí khấu hao loại trừ	-	70.648.886
- Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	132.000.000	132.000.000
- Chi phí loại trừ khác	441.351.203	436.790.191
Các khoản điều chỉnh giảm	8.800.957.000	273.553.644
- Chuyển lỗ lũy kế năm trước	-	67.982.838
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	8.800.957.000	205.570.806
Thu nhập chịu thuế TNDN	(2.852.628.276)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Điều chỉnh khác	-	54.317.198
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước theo biên bản thanh tra thuế	-	54.317.198
Chi phí thuế TNDN	-	54.317.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính văn phòng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính văn phòng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.206.144	23.914.643
Chi phí nhân công	540.072.108	556.953.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.087.816	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.996.763.306	41.676.646.355
Chi phí khác bằng tiền	212.083.081	144.199.519
Cộng	28.858.212.455	42.401.714.436

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 98/HĐTD ngày 18 tháng 08 năm 2017 tại xã H'ông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là xã Ia H Rủ - tỉnh Gia Lai) với mục đích sử dụng đất làm nhà kho chứa vật liệu nổ xây dựng. Thời gian thuê đất đến ngày 11 tháng 11 năm 2018. Tổng diện tích khu đất thuê là 20.000 m². Đến hiện tại, hợp đồng thuê đất đã hết hạn, tuy nhiên do chưa hoàn thành thủ tục đóng cửa mỏ nên Công ty vẫn phải nộp tiền thuê đất hàng năm.

2. NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê của hợp đồng thuê đất. Hiện tại Công ty chưa thể ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì chưa có hướng dẫn cụ thể và ước tính một cách đáng tin cậy. Do đó Công ty chưa ghi nhận chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

3. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Bà Trần Thị Len	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Cổ đông lớn
Ông Trần Quang Ninh	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Hạnh Nguyên	Cổ đông lớn
Ông Trần Quang Huy	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Kim Thoa	Cổ đông lớn
Các thành viên chủ chốt khác trong HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng	18.159.389.330	26.834.338.210
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	18.159.389.330	26.834.338.210
Trả nợ gốc vay	7.414.989.000	5.362.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	1.400.000.000	900.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	6.014.989.000	4.462.500.000
Chi phí lãi vay	2.478.523.111	3.239.102.628
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	8.050.000	181.875.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	2.470.473.111	3.057.227.628
Trả lãi tiền vay	5.224.067.865	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	5.171.436.286	400.000.000
Bà Đặng Thị Đoan Trang	52.631.579	-
Bà Trần Thị Kim Thoa	-	200.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	18.039.798.712	19.377.658.237
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	18.039.798.712	19.377.658.237
Chi phí phải trả ngắn hạn	13.116.481.269	15.862.026.023
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	-	5.163.386.286
Bà Trần Thị Kim Thoa	13.070.362.848	10.599.889.737
Bà Đặng Thị Đoan Trang	46.118.421	98.750.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.993.511.000	32.408.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	-	1.400.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	24.993.511.000	31.008.500.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	108.000.000	108.000.000
Bà Trần Thị Len	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Xuân Hải	36.000.000	36.000.000
Bà Võ Thị Hà Giang	36.000.000	36.000.000
Tổng Giám đốc	28.824.034	27.941.153
Ông Bùi Xuân Hải	28.824.034	27.941.153
Ban kiểm soát	68.415.939	69.255.579
Bà Đặng Thị Đoan Trang	36.000.000	36.000.000
Bà Mai Ngọc Liên	20.415.939	21.255.579
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	12.000.000	12.000.000
Cộng	205.239.973	205.196.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 0 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 7.414.989.000 đồng.

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính văn phòng.



Mai Ngọc Liên
Người lập biểu



Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 03 năm 2026